

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN T  
TỈNH T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2022/HS-ST

Ngày 21 - 3 - 2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH T**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hằng

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Bá Mạnh

Ông Lê Đăng Thiện

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Cao Thị Bình - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện T

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa:***

Ông Lê Văn Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 12/2022/TLST-HS ngày 27 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/QĐHPT- HS ngày 21/02/2022 đối với các bị cáo:

1. Đỗ Ngọc T, sinh ngày 30 tháng 10 năm 1997 tại xã T, huyện U, Thành Phố H; Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện U, Thành Phố H; Nghề nghiệp: Không nghề nghiệp; Trình độ văn hoá (học vấn): 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đỗ Văn B (đã chết) và bà Đỗ Thị T, sinh năm 1976; Chưa có vợ con; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ 1; Tiền án; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 04/01/2021 đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Đỗ Xuân Q, sinh ngày 18 tháng 4 năm 1997 tại xã T, huyện U, Thành Phố H; Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện U, Thành Phố H; Nghề nghiệp: Không nghề nghiệp; Trình độ văn hoá (học vấn): 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đỗ Văn N, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1970; Chưa có vợ con; Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ 3;

Tiền án; Tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 04/01/2021 đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Đỗ Đức T, sinh ngày 27 tháng 9 năm 2000 tại xã T, huyện U, Thành Phố H; Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện U, Thành Phố H; Nghề nghiệp: Không nghề nghiệp; Trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đỗ Văn T, sinh năm 1969 và bà Trần Thị T, sinh năm 1971; Chưa có vợ con; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ 1; Tiền án; Tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 04/01/2021 đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Phạm Trung A, sinh ngày 30 tháng 9 năm 1998 tại xã H, huyện U, Thành Phố H; Nơi cư trú: Thôn M, xã H, huyện U, Thành Phố H; Nghề nghiệp: Không nghề nghiệp; Trình độ văn hoá (học vấn): 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn T (đã chết) và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1975; Chưa có vợ con; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ 1; Tiền án; Tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 04/01/2021 đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho các bị cáo Đỗ Đức T và Phạm Trung A:*

Luật sư Tạ Anh T. Có mặt

Văn phòng Luật sư B và Liên danh - Đoàn Luật sư Thành Phố H

Địa chỉ: Phòng 904, tầng 9, Tòa OCT2 - Khu đô thị chức năng X, phường X, quận N, Thành Phố H.

- *Bị hại:* 1. Anh Hà Đức T, sinh năm 1969. Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn L, xã X, huyện T, tỉnh T.

2. Chị Lê Thị T, sinh năm 1983. Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện N, tỉnh T.

3. Anh Hoàng Văn Đ, sinh năm 1997. Có mặt

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh T.

4. Anh Ngô Văn K, sinh năm 1990. Vắng mặt

Địa chỉ: Khu 5 phường H, thành phố M, tỉnh Q

5. Anh Đỗ Đức Q, sinh năm 1993. Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn N, xã P, thị xã N, tỉnh T.

6. Anh Huỳnh Hương P, sinh năm 1969. Vắng mặt

Địa chỉ: Tổ 6 Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh T

7. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1987. Vắng mặt

Địa chỉ: Ấp N, xã N, huyện T, tỉnh L

8. Chị Nguyễn Thị Tuyết K, sinh năm 1998. Vắng mặt

Địa chỉ: Số 400/3 ấp B, xã B, huyện C, tỉnh L.

9. Anh Nguyễn Tiến D, sinh năm 1986. Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn N, thị trấn N, huyện V, tỉnh H.

10. Anh Phạm Văn H, sinh năm 1991. Vắng mặt  
Địa chỉ: Thôn K, xã P, huyện A, tỉnh H.
11. Anh Vũ Văn D, sinh năm 1990. Vắng mặt  
Địa chỉ: Thôn 10 xã H, huyện T, thành phố H.
12. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1998. Vắng mặt  
Địa chỉ: Ấp 2 xã T, thành phố Đ, tỉnh B.
13. Chị Tạ Thị N, sinh năm 1977. Vắng mặt  
Địa chỉ: Đội 13 xã T, huyện Đ, tỉnh Đ.
14. Anh Phạm Xuân D, sinh năm 1981. Vắng mặt  
Địa chỉ: Tổ 5 khu 9, phường M, thành phố C, tỉnh Q
15. Chị Trần Thị M, sinh năm 1984. Vắng mặt  
Địa chỉ: Xóm 11 xã G, huyện G, tỉnh N.
16. Anh Hà Văn T, sinh năm 1986. Vắng mặt  
Địa chỉ: Tổ dân phố H, thị trấn V, huyện L, tỉnh L.
17. Chị Đàm Thị D - sinh năm 1987. Vắng mặt  
Địa chỉ: Thôn T, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh L.
18. Anh Hoàng Hồng Q, sinh năm 1970. Vắng mặt  
Địa chỉ: Số nhà 37 đường số 7, phường L, quận T, thành phố H.
19. Anh Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1986. Vắng mặt  
Địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện S, Thành Phố H.
20. Anh Phạm Văn H, sinh năm 1984. Vắng mặt  
Địa chỉ: Thôn K, xã B, huyện B, tỉnh H
21. Anh Nguyễn Thành N, sinh năm 1988. Vắng mặt  
Địa chỉ: 720 tổ 8, khu phố T, thị trấn D, huyện T, tỉnh Đ.
22. Chị Trương Thị Hồ T, sinh năm 1975. Vắng mặt  
Địa chỉ: Số 672 đường T, khóm M, phường V, thành phố C, tỉnh A
23. Anh Nguyễn Công D, sinh năm, 1987. Vắng mặt  
Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh T.
24. Chị Bùi Thị G, sinh năm 1984. Vắng mặt  
Địa chỉ: Bản S, xã S, huyện S, tỉnh L
25. Anh Đỗ Minh T, sinh năm 1983. Vắng mặt  
Địa chỉ: Khu phố L, phường L, thị xã T, tỉnh T
26. Chị Vũ Thị T, sinh năm 1985. Vắng mặt  
Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện L, tỉnh B.
- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*
1. Chị Phạm Thị Thùy L, sinh năm 2002. Có mặt

Trú tại: Thôn M, xã H, huyện U, thành phố H

2. Chị Đỗ Thị T, sinh năm 1976. Có mặt

3. Chị Trần Thị T, sinh năm 1971. Có mặt

Đều trú tại: Thôn T, xã T, huyện U, Thành phố H

4. Ngân hàng TMCP A chi nhánh B

Địa chỉ: Phường 2, quận 6, thành phố H

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Vương Thị Châu N. Chức vụ: Phó Giám đốc chi nhánh. Vắng mặt

5. Ngân hàng TMCP S– H chi nhánh S- phòng giao dịch Nguyễn Văn L

Địa chỉ: Chung cư H3, 384 đường H, phường 6, quận 4, thành phố H

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Huy T. Chức vụ: Phó tổng Giám đốc kiêm giám đốc khối QL&XLN CVĐ. Vắng mặt

6. Ngân hàng TMCP S Phòng giao dịch L, chi nhánh T, thành phố H

Địa chỉ: Ô số 12, dãy B lô TT3, khu đô thị T, phường Đ, quận H, thành phố H

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đinh Văn K, trưởng phòng giao dịch L. Vắng mặt

7. Ngân hàng TMCP K, chi nhánh N

Địa chỉ: TTTM Vincom Plaza, số 44 – 46 đường L, thành phố N, tỉnh K

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thị Hạ H – Giám đốc chi nhánh. Vắng mặt

8. Ngân hàng TMCP K, phòng giao dịch T, chi nhánh Đ

Địa chỉ: Số N3C1, nhà số 3 Khu nhà ở để bán, phường M, quận N, Thành Phố H

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trương Thị Thu H - Giám đốc phòng giao dịch T- Ngân hàng TMCP K.

9. Ngân hàng TMCP, chi nhánh T

Địa chỉ: 334 H, Tân T, quận 7, thành phố H

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Công H. Chức vụ: Giám đốc chi nhánh. Vắng mặt

10. Ngân hàng TMCP Q, chi nhánh K, phòng giao dịch V

Địa chỉ: Số A.1 chung cư V, phường V, thành phố N, tỉnh K.

- Người đại diện : Bà Bùi Thị Diệu A- Giám đốc dịch vụ. Vắng mặt

**- Người làm chứng:**

1. Anh Trần Nhật H, sinh năm 1991. Vắng mặt

Trú tại: thôn L, xã T, huyện Đ, tỉnh L

2. Anh Lê Minh N, sinh năm 1997. Vắng mặt

Trú tại: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Đ

3. Chị Trần Thị T, sinh năm 2000. Vắng mặt

Trú tại: thôn P, xã A, huyện B, tỉnh H

4. Anh Nguyễn Trọng H, sinh năm 2000. Vắng mặt

Trú tại: thôn Phúc L, xã H, huyện H, tỉnh T  
5. Chị Đoàn Ngọc Thúy V, sinh năm 1999. Vắng mặt  
Trú tại: 120/34 N, phường T, thành phố N, tỉnh K

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 16/11/2020 do có nhu cầu vay tiền nên anh Hà Đức T đã lên mạng xã hội Facebook tìm các trang hỗ trợ vay vốn. Anh T tìm được trang “Hỗ trợ vay vốn” có để lại số điện thoại liên hệ Zalo là 0923.352.868. Anh T đã kết bạn Zalo với số thuê bao di động 0923.352.868 có tên Trần Nhật H, được đối tượng giới thiệu là nhân viên ngân hàng và hướng dẫn anh T để vay được số tiền 150.000.000đ thì phải đóng phí để làm hồ sơ và bảo hiểm khoản vay. Tin tưởng sẽ được giải ngân nên trong ngày 20/11/2020 và 21/11/2020 anh T đã thực hiện việc chuyển tiền 04 lần theo yêu cầu của đối tượng với số tiền 23.750.000đ vào tài khoản ngân hàng Sacombank số 060258202433 mang tên Trần Nhật H. Cụ thể: Ngày 20/11/2020 chuyển 02 lần với số tiền lần lượt là 8.000.000đ và 6.000.000đ; Ngày 21/11/2020 chuyển 02 lần với số tiền lần lượt là 3.750.000đ và 6.000.000đ. Sau khi chuyển tiền thì anh T không nhận được bất kì khoản tiền vay nào và bị Zalo Trần Nhật H chặn liên lạc. Biết mình bị lừa nên anh T đã đến Công an huyện T trình báo.

Qua điều tra xác minh, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã xác định được nhóm bị cáo thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh T gồm: Đỗ Ngọc T, Đỗ Xuân Q, Đỗ Đức T và Phạm Trung A đều đăng ký HKTT tại huyện U, thành phố H. Cả 04 bị cáo thuê 02 phòng tại chung cư Napoleon địa chỉ: Số 26 N, phường V, thành phố N, tỉnh K để ở và thực hiện hành vi phạm tội. Trong đó Đỗ Ngọc T là người trực tiếp lừa đảo đối với anh Hà Đức T.

Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội như sau:

Khoảng cuối tháng 7/2020, Đỗ Ngọc T, Đỗ Xuân Q gặp nhau tại thành phố N, tỉnh K. Do Ngọc T và Q không có hộ khẩu tại thành phố N nên đã nhờ bạn gái của Q là Đoàn Ngọc Thúy V đứng tên thuê hộ phòng tại chung cư Napoleon. Do không có việc làm và thu nhập nên cả hai bàn bạc tìm cách lừa đảo kiếm tiền. Sau khi tìm hiểu trên mạng, Ngọc T và Q đã học cách thức giả danh nhân viên ngân hàng, tư vấn cho vay vốn qua mạng Zalo để lừa đảo người có nhu cầu vay tiền nhanh, thủ tục đơn giản và không cần thế chấp. Sau khi người vay chuyển tiền phí để được giải ngân, các bị cáo sẽ chiếm đoạt và chặn liên lạc. Q và Ngọc T đã đặt mua các tài khoản ngân hàng không rõ nguồn gốc, hình ảnh, giấy chứng minh nhân dân giả trên mạng, đồng thời mua các sim di động số thuê bao không chính chủ để sử dụng đăng ký tài khoản Zalo và nhận mã OTP từ ngân hàng. Thời gian đầu do Ngọc T chưa có tiền nên Q đã đưa 2.000.000đ cho T để đặt mua tài khoản ngân hàng. Để tăng thêm nguồn tin cho người vay N và Q đặt

tên các tài khoản Zalo có tên tương ứng với tên của tài khoản ngân hàng và gửi hình chụp thẻ nhân viên tư vấn cho vay của ngân hàng giả mạo cho người vay xem.

Ban đầu Ngọc T và Q tạo ra các trang Facebook giả mạo ngân hàng, đăng các bài viết tư vấn làm thủ tục cho vay nhanh với các gói vay tương ứng và để lại số điện thoại Zalo cho người vay kết bạn, nhận tư vấn trực tiếp. Khi người vay kết bạn thì Ngọc T và Q sẽ đưa ra các gói vay tương ứng với các khoản phí bảo hiểm và cam kết sẽ giải ngân nhanh. Khi người vay đã tin tưởng thì Ngọc T và Q cung cấp số tài khoản ngân hàng và yêu cầu chuyển phí hồ sơ và phí bảo hiểm gói vay, sau khi người vay chuyển tiền thì cắt liên lạc. Để tránh bị phát hiện Ngọc T và Q đã chuyển số tiền chiếm đoạt nạp vào tài khoản Game chơi, rồi tiếp tục từ tài khoản Game quy đổi thành tiền chuyển vào 02 tài khoản ngân hàng được đặt mua trên mạng là tài khoản ngân hàng Sacombank 020088467451 mang tên Nguyễn Hà A (đăng lý số thuê bao di động nhận mã OTP là 0365.667.130) và 020088924811 mang tên Vũ Bá L (đăng lý số thuê bao di động nhận mã OTP là 0965.645.063)

Cuối tháng 9/2020 khi Ngọc T và Q về nhà tại xã T, huyện U, Thành Phố H chơi thì gặp Đỗ Đức T, quá trình nói chuyện Đức T biết được Ngọc T và Q có nhiều tiền từ việc lừa đảo nên đã xin tham gia cùng. Ngọc T và Q đã đồng ý cho Đức T đến ở cùng vì là người cùng thôn và quen biết từ trước. Thời gian đầu Đức T được Q và Ngọc T đưa tiền để lo việc đi chợ nấu cơm và hướng dẫn cách lừa đảo bằng cách đặt mua các tài khoản ngân hàng, tạo tài khoản Facebook giả mạo ngân hàng để chạy quảng cáo tìm kiếm người có nhu cầu vay tiền qua mạng và mua sim không chính chủ, tạo tài khoản Zalo trực tiếp nhắn tin với người có nhu cầu vay tiền để lừa đảo.

Do quen biết và từng có thời gian làm cùng Q, biết Q có nhiều tiền từ việc lừa đảo nên Phạm Trung A đã xin tham gia cùng. Ngày 31/10/2020 Q đặt mua vé máy bay cho Trung A vào thành phố N, tỉnh K ở và cùng tham gia hoạt động lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Các bị cáo cùng hướng dẫn, hỗ trợ nhau thực hiện hành vi phạm tội. Số tiền chiếm đoạt các bị cáo sử dụng chung vào mục đích trả tiền thuê phòng, ăn uống, đi chơi, sinh hoạt chung tại chung cư Napoleon, còn lại thì sử dụng riêng cá nhân.

Hành vi phạm tội của từng bị cáo cụ thể như sau:

1. Bị cáo Đỗ Ngọc T: Sử dụng Facebook có tên “Hỗ trợ vay vốn” giả danh nhân viên ngân hàng để chạy quảng cáo tìm kiếm bị hại. Sau đó sử dụng tài khoản Zalo “Trần Nhật H” đăng ký bằng số thuê bao di động 0923.452.868, sau đó chuyển sang số 0335.429.638 để nhận kết bạn, trực tiếp nhắn tin giả làm nhân viên ngân hàng Sacombank và ngân hàng ACB tư vấn lừa đảo bị hại rồi cung cấp tài khoản ngân hàng Sacombank số 060268202433 và tài khoản ngân hàng ACB số 15781117 đều mang tên Trần Nhật H để bị hại chuyển tiền vào, sau đó chuyển tiền vào tài khoản Game “Hugo5555” của ứng dụng Game KinFun rồi chuyển

tiền vào tài khoản ngân hàng Sacombank số 00088467451 mang tên Nguyễn Hà A để rút tiền sử dụng. Quá trình điều tra, cơ quan cảnh sát điều tra đã xác định được các hị hại của Đỗ Ngọc T gồm:

- Ngày 24/11/2020 anh Hoàng Văn Đ có nhu cầu vay vốn nên đã tìm được trang “Hỗ trợ vay vốn” có đăng bài viết để lại số điện thoại liên hệ Zalo là 0923.352.868. Anh Đ đã kết bạn Zalo với số thuê bao di động 0923.352.868 có tên Trần Nhật H do Đỗ Ngọc T sử dụng. Ngọc T giả mạo nhân viên ngân hàng lấy tên Trần Nhật H nhắn tin hướng dẫn anh Đ để được giải ngân nhanh thì cần chuyển khoản đóng tiền phí để làm bảo hiểm khoản vay và cung cấp tài khoản ngân hàng Sacombank số 060258202433 mang tên Trần Nhật H để anh Đ chuyển tiền vào. Tin tưởng nên anh Đ đã chuyển 04 lần với tổng số tiền 42.821.000đ vào tài khoản trên. Cụ thể: Lần 1 vào ngày 24/11/2020 chuyển 8.000.000đ; Lần 2 và 3 vào ngày 26/11/2020 chuyển 11.871.000đ và 9.250.000đ; Lần 4 vào ngày 27/11/2020 chuyển 13.700.000đ. Sau khi nhận được tiền từ anh Đ thì Ngọc T đã chiếm đoạt và chặn Zalo.

Tương tự với hình thức trên Ngọc T đã lừa đảo chiếm đoạt của các bị hại khác gồm:

- Chị Lê Thị T chuyển số tiền 38.000.000đ vào tài khoản ngân hàng Sacombank tên Trần Nhật H, cụ thể: Lần 1 ngày 01/12/2020 chị T đến cửa hàng có dịch vụ chuyển tiền của chị Mạch Thị D ở thôn N, xã T, huyện N, tỉnh T chuyển số tiền 10.000.000đ; Lần 2 ngày 02/12/2020 chuyển 12.000.000đ tại Ngân hàng Agribank; Lần 3 ngày 04/12/2020 chuyển 16.000.000đ tại cửa hàng của chị M.
- Anh Đỗ Đức Q chuyển số tiền 4.250.000đ vào tài khoản ngân hàng Sacombank tên Trần Nhật H, cụ thể: Lần 1 vào ngày 18/11/2020 chuyển 1.000.000đ tại ngân hàng Sacombank chi nhánh S; Lần 2 vào ngày 21/11/2020 chuyển 3.250.000đ bằng tài khoản ví MoMo.
- Anh Nguyễn Tiến D chuyển số tiền 6.750.000đ vào tài khoản ngân hàng Sacombank tên Trần Nhật H, cụ thể: Lần 1 và 2 vào ngày 10/12/2020 lần lượt là 1.000.000đ và 3.250.000đ; Lần 3 vào ngày 14/12/2020 chuyển 2.500.000đ.
- Anh Phạm Văn H chuyển số tiền 14.000.000đ vào tài khoản ngân hàng Sacombank tên Trần Nhật H, cụ thể: chuyển 02 lần trong ngày 31/12/2020.
- Anh Ngô Văn K chuyển số tiền 12.520.000đ vào tài khoản ngân hàng Sacombank tên Trần Nhật H, cụ thể: Lần 1 ngày 24/12/2020 chuyển 5.000.000đ; Lần 2 ngày 25/12/2020 chuyển 7.520.000đ.
- Anh Nguyễn Văn T chuyển số tiền 6.250.000đ vào tài khoản ngân hàng Sacombank tên Trần Nhật H, cụ thể chuyển 02 lần trong ngày 21/11/2020.
- Chị Nguyễn Thị Tuyết K chuyển số tiền 6.500.000đ vào tài khoản ngân hàng Sacombank tên Trần Nhật H, cụ thể: Lần 1 vào ngày 30/11/2020 chuyển 2.500.000đ; Lần 2 vào ngày 02/12/2020 chuyển 4.000.000đ.
- Chị Nguyễn Thị T chuyển số tiền 10.000.000đ vào tài khoản ngân hàng ACB tên Trần Nhật H vào ngày 31/12/2020.

- Chị Tạ Thị N chuyển số tiền 6.000.000đ vào tài khoản ngân hàng Sacombank tên Trần Nhật H, cụ thể chuyển 02 lần lần lượt là 2.000.000đ và 4.000.000đ trong ngày 30/11/2020.
- Anh Phạm Xuân D chuyển số tiền 14.000.000đ vào tài khoản ngân hàng Sacombank tên Trần Nhật H, cụ thể: Lần 1 vào ngày 21/11/2020 chuyển 8.000.000đ; Lần 2 vào ngày 22/11/2020 chuyển 6.000.000đ.
- Chị Huỳnh Hương P nhờ anh Tô Quang D chuyển số tiền 6.150.000đ vào tài khoản ngân hàng Sacombank tên Trần Nhật H, cụ thể: Lần 1 vào ngày 19/11/2020 chuyển 2.400.000đ; Lần 2 vào ngày 21/11/2020 chuyển 3.750.000đ tại ngân hàng Sacombank chi nhánh tỉnh T.
- Anh Vũ Văn D chuyển số tiền 8.000.000đ vào tài khoản ngân hàng Sacombank tên Trần Nhật H, cụ thể: lần 1 và 2 vào ngày 09/12/2020 chuyển lần lượt là 1.000.000đ và 3.000.000đ; Lần 3 vào ngày 10/12/2020 chuyển 4.000.000đ.

Ngoài ra quá trình trích xuất dữ liệu tin nhắn Zalo trên điện thoại thu giữ của Đỗ Ngọc T và sao kê tài khoản ngân hàng Sacombank 060258202433 tên Trần Nhật H cơ quan điều tra xác định Ngọc T còn lừa đảo chiếm đoạt của anh Phạm Công Đ ở khu phố N, phường N, thành phố T, tỉnh T số tiền 9.200.000đ. Tuy nhiên khi làm việc với cơ quan điều tra anh Đ khai báo không bị ai lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên không đủ căn cứ chứng minh.

2. Bị cáo Đỗ Xuân Q: Sử dụng tài khoản Zalo “Nguyễn Trọng H” đăng ký bằng số thuê bao di động 0796.299.038, sau đó đổi sang số 0359.132.024, được một thời gian thì đổi tên Zalo thành “Nguyễn N”, giả danh nhân viên ngân hàng Viettinbank và BIDV nhắn tin lừa đảo bị hại và cung cấp các tài khoản ngân hàng Viettinbank Nguyễn Trọng H số 102822086610 đăng ký số thuê bao nhận mã OTP là 0962.415.906 để bị hại chuyển tiền vào, sau đó chuyển vào tài khoản Sacombank Nguyễn Thị P số 020088818211, rồi chuyển tiền vào tài khoản Game “Thanghc19” và Hugo5555” của ứng dụng Game KinFun, sau đó chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng Sacombank Nguyễn Hà A số 020088467451 và Vũ Bá L số 020088924811 để rút tiền sử dụng. Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã xác định được các bị hại gồm:

- Khoảng đầu tháng 12/2020 chị Trần Thị M có nhu cầu vay vốn nên đã kết bạn với Zalo “Nguyễn N” số điện thoại 0359.132.024 do Đỗ Xuân Q sử dụng. Q chủ động giả mạo nhân viên ngân hàng lấy tên Nguyễn Trọng H nhắn tin hướng dẫn chị M để được giải ngân nhanh thì phải đóng tiền phí để làm bảo hiểm khoản vay và cung cấp tài khoản ngân hàng Viettinbank tên Nguyễn Trọng H số 102822086610 để chị M chuyển tiền vào. Tin tưởng sẽ vay được tiền nên ngày 29/12/2020 chị M đã chuyển 2.000.000đ vào tài khoản trên. Sau khi nhận được tiền từ chị M thì Đỗ Xuân Q đã chiếm đoạt và chặn liên lạc. Tương tự với hình thức trên Q đã lừa đảo chiếm đoạt của các bị hại gồm:
- Anh Hà Anh T số tiền 4.250.000đ cụ thể vào ngày 28/12/2020 anh T chuyển khoản 02 lần.

- Chị Đàm Thị D số tiền 19.250.000đ cụ thể vào ngày 09/12/2020 chị D chuyển khoản 02 lần.
  - Anh Hà Hồng Q số tiền 25.000.000đ cụ thể: Lần 1 vào ngày 23/12/2020 anh Q chuyển khoản 3.500.000đ; Lần 2, 3 vào ngày 25/12/2020 chuyển lần lượt là 6.000.000đ và 6.750.000đ; Lần 4 vào ngày 28/12/2020 chuyển 8.750.000đ.
  - Anh Nguyễn Ngọc S số tiền 51.921.000đ cụ thể: Lần 1 vào ngày 17/12/2020 anh S chuyển khoản 15.000.000đ; Lần 2 vào ngày 18/12/2020 chuyển 13.750.000đ; Lần 3 vào ngày 19/12/2020 chuyển 18.171.000đ; Lần 4 vào ngày 25/12/2020 chuyển 5.000.000đ.
3. Bị cáo Đỗ Đức T: Sử dụng Facebook có tên Lê Minh N giả danh nhân viên ngân hàng chạy quảng cáo tư vấn cho vay vốn để tìm người có nhu cầu. Sau đó sử dụng tài khoản Zalo Lê Minh N đăng ký bằng số thuê bao di động 0375.597.884 giả làm nhân viên ngân hàng TPBank và ngân hàng SHB để nhận kết bạn, trực tiếp nhắn tin cho bị hại rồi cung cấp tài khoản ngân hàng TPBank Nguyễn Trung D số 03823792701 và tài khoản ngân hàng SHB Lê Minh N số 1017163735 đăng ký số thuê bao di động nhận mã OTP của ngân hàng là 0898.353.423 để nhận tiền. Sau khi nhận được tiền của bị hại thì chuyển tiền vào tài khoản Game “Thanghc19” và “Hugo5555” do Đỗ Xuân Q cung cấp để chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng Sacombank Nguyễn Hà A số 020088467451 và rút tiền sử dụng. Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã xác định được các bị hại gồm:
- Cuối tháng 12/2020 anh Nguyễn Thành N có nhu cầu vay vốn nên đã kết bạn với Zalo Lê Minh N số điện thoại 0375.597.884 do Đỗ Đức T sử dụng. Đức T chủ động giả mạo nhân viên ngân hàng lấy tên Lê Minh N nhắn tin hướng dẫn anh N để được giải ngân nhanh thì phải đóng tiền phí để làm bảo hiểm khoản vay và cung cấp tài khoản ngân hàng SHB tên Lê Minh N số 1017163735 để anh N chuyển tiền vào. Tin tưởng sẽ vay được tiền nên ngày 26/12/2020 anh N đã chuyển 2.000.000đ vào tài khoản trên. Sau khi nhận được tiền của anh N thì Đức T đã chiếm đoạt và chặn zalo. Tương tự như hình thức trên Đức T đã lừa đảo chiếm đoạt của các bị hại gồm:
  - Anh Phạm Văn H số tiền 2.500.000đ. Cụ thể trong ngày 19/10/2020 anh H đã chuyển số tiền 2.500.000đ vào tài khoản ngân hàng TPBank tên Nguyễn Trung D số 0382 792701. Sau khi anh H chuyển tiền vào thì tài khoản này bị mất nên Đức T chưa rút được tiền. Việc này ngoài ý muốn của Đức T nên Đức T vẫn phải chịu trách nhiệm đối với số tiền này. (Trong thời gian này bị cáo Phạm Trung A chưa vào ở cùng nên bị cáo Trung A không phải chịu trách nhiệm đối với số tiền này)
  - Nguyễn Công D số tiền 6.750.000đ. Cụ thể: Lần 1 vào ngày 30/12/2020 anh Danh chuyển số tiền 2.000.000đ; Lần 2 vào ngày 31/12/2020 chuyển 4.750.000đ vào tài khoản ngân hàng SHB tên Lê Minh N.

- Trương Thị Hồ T số tiền 4.750.000đ. Cụ thể: Lần 1 vào ngày 29/12/2020 chị T chuyển số tiền 1.000.000đ; Lần 2 vào ngày 30/12/2020 chuyển 3.750.000đ vào tài khoản ngân hàng SHB tên Lê Minh N.

Quá trình điều tra trích xuất dữ liệu tin nhắn Zalo và sao kê tài khoản ngân hàng SHB tên Lê Minh N số 1017163735 cơ quan điều tra xác định Đức T còn lừa đảo chiếm đoạt của anh Trương Thái H trú tại ấp X, xã L, huyện C, tỉnh L số tiền 3.000.000đ. Tuy nhiên qua xác minh anh Trương Thái H không có mặt tại địa phương, không biết đi đâu làm gì. Cơ quan điều tra đang tiến hành điều tra xác minh, khi có căn cứ sẽ xử lý sau.

4. Bị cáo Phạm Trung A: Được các bị cáo Đỗ Ngọc T và Đỗ Xuân Q hỗ trợ, giúp đăng bài viết trên Facebook, chạy quảng cáo tư vấn cho vay vốn để tìm người có nhu cầu vay. Trung A sử dụng số điện thoại 0328.936.318 Zalo Huy T để kết bạn giả làm nhân viên ngân hàng Teccombank với tên Trần Nhật H tài khoản số 19036501613016 đăng ký số thuê bao di động để nhận mã OTP từ ngân hàng là 0928.099.689 do Đỗ Ngọc T đưa cho để bị hại chuyển tiền vào. Sau khi bị hại chuyển tiền thì nhờ Đỗ Ngọc T và Đỗ Xuân Q đổi tiền qua ứng dụng Game rồi rút ra sử dụng. Quá trình điều tra cơ quan điều tra đã xác định được các bị hại gồm:

- Cuối tháng 12/2020 chị Bùi Thị G có nhu cầu vay vốn nên đã kết bạn với Zalo Huy T số điện thoại 0328.936.318 do Phạm Trung A sử dụng. Trung A chủ động giả mạo nhân viên ngân hàng lấy tên Trần Nhật H nhắn tin hướng dẫn chị G để được giải ngân nhanh thì phải đóng tiền phí để làm bảo hiểm khoản vay và cung cấp tài khoản ngân hàng Teccombank Trần Nhật H số 19036501613016 để chị G chuyển tiền vào. Tin tưởng sẽ vay được tiền nên ngày 29/12/2020 chị G đã chuyển 1.000.000đ vào tài khoản trên. Sau khi nhận được tiền của chị G thì Trung A đã chiếm đoạt và chặn zalo. Mặc dù số tiền chiếm đoạt dưới 2.000.000đ nhưng hành vi của Trung A được thực hiện liên tục nên Trung A phải chịu trách nhiệm đối với tổng số tiền đã chiếm đoạt. Tương tự như hình thức trên Trung A đã lừa đảo chiếm đoạt của các bị hại gồm:

- Anh Đỗ Minh T số tiền 45.850.000đ. Cụ thể: Lần 1 và 2 vào ngày 09/12/2020 anh T chuyển số tiền lần lượt là 10.000.000đ và 5.000.000đ; Lần 3 và 4 vào ngày 10/12/2020 chuyển lần lượt số tiền là 12.750.000đ và 18.100.000đ vào tài khoản ngân hàng Teccombank tên Trần Nhật H.

- Chị Vũ Thị T số tiền 76.880.000đ. Cụ thể: Lần 1 và 2 vào ngày 30/12/2020 chị T chuyển số tiền lần lượt là 25.000.000đ và 22.000.000đ; Lần 3 vào ngày 31/12/2020 chuyển 29.880.000đ vào tài khoản ngân hàng Teccombank tên Trần Nhật H.

Quá trình điều tra trích xuất dữ liệu tin nhắn Zalo và sao kê tài khoản ngân hàng Teccombank Trần Nhật H số 19036501613016 cơ quan điều tra xác định Trung A còn lừa đảo chiếm đoạt của chị Nguyễn Thụy Khánh V trú tại 104/17, phường 15 quận P, Thành Phố H số tiền 8.500.000đ; Lừa đảo chiếm đoạt

của anh Nguyễn Văn Đ trú tại xã H, huyện G, tỉnh K số tiền 11.250.000đ. Tuy nhiên qua xác minh chưa tìm được bị hại có tên Nguyễn Văn Đ; chị Nguyễn Thụy Khánh V đã đi khỏi nơi cư trú từ năm 2000, không biết đi đâu làm gì. Cơ quan điều tra đang tiến hành điều tra xác minh, khi có căn cứ sẽ xử lý sau.

Cơ quan cảnh sát điều tra đã thu thập hồ sơ mở tài khoản, lịch sử giao dịch, biến động số dư, các tài khoản ngân hàng của 04 bị cáo là chủ tài khoản và các tài khoản ngân hàng mà 04 bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội:

- Tài khoản ngân hàng SHB số 1017163735 mang tên Lê Minh N, số dư tài khoản là 3.677.469đ

- Tài khoản ngân hàng Sacombank số 020088467451 mang tên Nguyễn Hà A, số dư tài khoản là 321.817đ.

- Tài khoản ngân hàng Tecombank số 19035721942022 mang tên Đỗ Đức T, số dư tài khoản là 7.610.589đ.

- Tài khoản ngân hàng Tecombank số 19036065458018 mang tên Phạm Trung A, số dư tài khoản là 14.117.420đ.

- Tài khoản ngân hàng MB số 4060123499999 mang tên Đỗ Ngọc T, số dư tài khoản là 388.971đ

- Tài khoản ngân hàng ACB số 15781117 mang tên Trần Nhật H, số dư tài khoản là 938.612đ.

- Tài khoản ngân hàng ACB số 14291937 mang tên Trần Minh H, số dư tài khoản là 2.466.617đ.

Các tài khoản còn lại không có số dư.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã tiến hành xác minh những người đứng tên thông tin chủ tài khoản ngân hàng mà các bị cáo mua sử dụng để lừa đảo:

Đối với Trần Nhật H, sinh năm 1991 trú tại: Thôn L, xã T, huyện Đ, tỉnh L trong quá trình điều tra H khai báo chưa từng đến các ngân hàng Sacombank, ACB, Techcombank để mở tài khoản. Trước đây H bị mất Giấy chứng minh nhân dân nên bị lộ thông tin cá nhân như trong hồ sơ mở tài khoản tại các ngân hàng nhưng hình ảnh trong giấy chứng minh nhân dân không phải là của Trần Nhật H nên xác định H không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo.

Đối với tài khoản ngân hàng SHB số 1017163735 mang tên Lê Minh N, (sinh năm 1997, nơi ĐKKHTT: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Đ) quá trình điều tra xác minh Lê Minh N không có mặt tại địa phương, không biết đi đâu, làm gì nên Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, khi có căn cứ sẽ xử lý sau.

Đối với Trần Thị T, sinh năm 2000, trú tại thôn P, xã A, huyện B, tỉnh H và Nguyễn Trọng H, sinh năm 2000, trú tại: Thôn P, xã H, huyện H, tỉnh T đã có hành vi đăng ký mở tài khoản ngân hàng rồi bán lại cho các đối tượng trên mạng mục đích để lấy tiền chi tiêu. Bản thân T và H không biết và không có mối liên hệ gì với các bị cáo nên không có căn cứ xử lý hình sự, chuyển xử lý hành chính về hành vi mua bán thẻ ngân hàng là đúng quy định.

Về phần dân sự: Các bị hại yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại. Gia đình bị cáo Đỗ Ngọc T đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại là anh Hà Đức T số tiền 23.750.000đ và tự nguyện nộp số tiền 40.000.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T để khắc phục hậu quả; Gia đình bị cáo Đỗ Đức T đã tự nguyện nộp số tiền 13.500.000đ bồi thường thiệt hại tại Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Thọ X; Gia đình bị cáo Đỗ Xuân Q đã tự nguyện nộp số tiền 80.000.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T để khắc phục hậu quả; Gia đình bị cáo Phạm Trung A đã tự nguyện nộp số tiền 20.000.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T để khắc phục hậu quả.

Vật chứng của vụ án: Bao gồm điện thoại di động, thẻ ngân hàng, thẻ sim, đồ vật, tài liệu và các tài sản khác(theo Quyết định chuyển vật chứng và Biên bản giao nhận vật chứng) hiện đang quản lý theo quy định pháp luật.

Cáo trạng số 47/CT-VKSTX ngày 30/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân đã truy tố các bị cáo Đỗ Ngọc T, Đỗ Xuân Q, Đỗ Đức T và Phạm Trung A về tội : "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên Quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Đỗ Ngọc T, Đỗ Xuân Q, Đỗ Đức T và Phạm Trung A phạm tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Đề nghị áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; Điểm s, b khoản 1 điều 51; Điểm b khoản 1 điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Đỗ Ngọc T và Đỗ Xuân Q; Áp dụng thêm khoản 2 điều 51 BLHS đối với bị cáo Đỗ Ngọc T;

Đề nghị xử phạt: Bị cáo Đỗ Ngọc T từ 08(tám) năm đến 08(tám) năm 06(sáu) tháng tù; Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 04/01/2021;

Bị cáo Đỗ Xuân Q từ 07(bảy) năm 06(sáu)tháng đến 08(tám) năm tù; Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 04/01/2021;

Đề nghị áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; Điểm b, s khoản 1 điều 51; Điểm g khoản 1 điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Đỗ Đức T và Phạm Trung A;

Đề nghị xử phạt: Bị cáo Đỗ Đức T và Phạm Trung A mỗi bị cáo từ 07(bảy)năm đến 07(bảy) năm 06(sáu) tháng tù; Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 04/01/2021;

Buộc các bị cáo bồi thường thiệt hại cho các bị hại; Buộc các bị cáo phải chịu án phí HSST và án phí DSST theo quy định pháp luật. Các Bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập nên đề nghị HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Đề nghị HĐXX xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

Người bào chữa cho các bị cáo Đỗ Đức T và Phạm Trung A đề nghị HĐXX về hình sự: Đề nghị HĐXX căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; Điểm b, s khoản 1 điều 51; Điểm g khoản 1 điều 52; khoản 2 điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự; Đề nghị xử phạt các bị cáo Đỗ Đức T và Phạm Trung A với mức án thấp nhất tại khoản 2 điều 174 Bộ luật Hình sự là phù hợp; Về phần dân sự: Đề nghị HĐXX

buộc các bị cáo Đỗ Đức T và Phạm Trung A phải bồi thường thiệt hại cho các bị hại. Về xử lý vật chứng đề nghị HĐXX xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

Các bị cáo, Bị hại và Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận gì. Các bị cáo đề nghị HĐXX cho các bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; Không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai nhận tội của các bị cáo tại cơ quan điều tra; Đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đều phản ánh thống nhất khách quan: Bằng thủ đoạn tạo ra các trang Facebook, Zalo giả làm nhân viên ngân hàng, đưa ra các gói vay và hình ảnh hợp đồng giả của các ngân hàng nhằm tạo tin tưởng cho các bị hại rồi từ đó cung cấp các tài khoản ngân hàng yêu cầu bị hại chuyển tiền để đóng các khoản phí làm hồ sơ, phí bảo hiểm khoản vay. Sau khi bị hại chuyển tiền thì các bị cáo chặn liên lạc và chiếm đoạt bằng cách chuyển tiền vào tài khoản Game trực tuyến để chơi với nhau, sau đó chuyển vào tài khoản ngân hàng chung để rút tiền mặt sử dụng. Trong khoảng thời gian từ tháng 9/2020 đến tháng 12/2020 tại chung cư Napoleon ở phường V, thành phố N, tỉnh K các bị cáo Đỗ Ngọc T, Đỗ Xuân Q, Đỗ Đức T và Phạm Trung A đã lừa đảo chiếm đoạt tài sản của nhiều bị hại trên địa bàn nhiều tỉnh thành trong cả nước. Tổng số tiền các bị cáo đã lừa đảo chiếm đoạt là 441.142.000đ. Trong đó bị cáo Đỗ Ngọc T đã trực tiếp lừa đảo chiếm đoạt số tiền 198.991.000đ của 14 bị hại; Bị cáo Đỗ Xuân Q đã chiếm đoạt số tiền 102.421.000đ của 05 bị hại; Bị cáo Đỗ Đức T đã chiếm đoạt số tiền 16.000.000đ của của 04 bị hại; Bị cáo Phạm Trung A đã chiếm đoạt số tiền 123.730.000đ của 03 bị hại. Các bị cáo đã hỗ trợ và hướng dẫn nhau cùng thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên phải chịu trách nhiệm hình sự chung. Hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Các bị cáo chiếm đoạt tài sản tổng trị giá là 441.142.000đ (trong đó bị cáo Đỗ Đức T phải chịu trách nhiệm đối với số tiền 438.642.000đ, các bị cáo còn lại phải chịu trách nhiệm đối với số tiền 441.142.000đ) nên các bị cáo phải chịu tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình quy định tại điểm a khoản 3 điều 174 BLHS.

Vì vậy có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận: Các bị cáo Đỗ Ngọc T, Đỗ Xuân Q, Đỗ Đức T và Phạm Trung A phạm tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 3 điều 174 BLHS.

Cáo trạng số 47/CT-VKSTX ngày 30/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Xét về tính chất của vụ án: HĐXX thấy rằng: Đây là vụ án có tính chất rất nghiêm trọng.

[4]. Xét về mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo: HĐXX thấy rằng: Hành vi của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội. Hành vi đó đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ; Hành vi của bị cáo gây tâm lý bất bình trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo đã lợi dụng vào lòng tin của những người bị hại để chiếm đoạt tài sản. Điều đó chứng tỏ rằng các bị cáo rất coi thường pháp luật. Vì vậy cần phải xử phạt các bị cáo thật nghiêm minh mới đủ sức răn đe, giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[5] . Xét về vai trò thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo: Đây không phải là trường hợp phạm tội có tổ chức. Các bị cáo không có người tổ chức, không có sự bàn bạc, phân công vai trò, nhiệm vụ cho từng bị cáo, số tiền do phạm tội mà có của bị cáo nào thì bị cáo đó chi tiêu cá nhân riêng. Hành vi phạm tội của các bị cáo chỉ là đồng phạm giản đơn.

Trong vụ án này bị cáo Đỗ Ngọc T và bị cáo Đỗ Xuân Q là người giữ vai trò chính, là người khởi xướng; Bị cáo Ngọc T và bị cáo Q chọn địa điểm là chung cư Napoleon ở phường V, thành phố N, tỉnh K để ở và thực hiện hành vi phạm tội; Bị cáo Ngọc T và bị cáo Q đồng ý cho các bị cáo Đức T và Trung A đến ở cùng và hướng dẫn cho 2 bị cáo Đức T và Trung A cùng thực hiện hành vi phạm tội. Do đó các bị cáo Ngọc T và Q xếp vai trò chính trong vụ án. Bị cáo Ngọc T lừa đảo chiếm đoạt số tiền nhiều nhất 198.991.000đ của 14 bị hại nên xếp vai trò thứ 1 trong vụ án và phải chịu mức hình phạt cao nhất. Bị cáo Q lừa đảo chiếm đoạt số tiền 102.421.000đ của 05 bị hại nên xếp vai trò thứ 2 trong vụ án. Do đó bị cáo Q phải chịu mức hình phạt thấp hơn bị cáo Ngọc T và cao hơn các bị cáo còn lại. Hai bị cáo Đức T và Trung A tham gia với vai trò là người thực hành. Bị cáo Đức T tham gia thực hiện hành vi phạm tội từ tháng 9/2020 và lừa đảo chiếm đoạt số tiền 16.000.000đ của 04 bị hại; Bị cáo Trung A tham gia thực hiện hành vi phạm tội từ tháng 11/2020 và lừa đảo chiếm đoạt số tiền 123.730.000đ của 03 bị hại nên 2 bị cáo xếp vai trò ngang nhau và xếp cuối cùng trong vụ án. Do đó hai bị cáo phải chịu mức hình phạt thấp nhất.

[6]. Xét về nhân thân của các bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hội đồng xét xử thấy rằng: Các bị cáo đều có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Các bị cáo đều thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần nên các bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "Phạm tội

02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 điều 52 Bộ luật Hình sự. Hai bị cáo Ngọc T và Q đều cố ý phạm tội 05 lần trở lên và lấy việc phạm tội làm nguồn sống chính nên hai bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp” quy định tại điểm b khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự. Các bị cáo đều thành khẩn khai báo nên các bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 BLHS. Gia đình bị cáo Đức T đã tự nguyện nộp số tiền 13.500.000đ và cơ quan điều tra đã thu giữ của bị cáo số tiền 600.000đ, tổng là 14.100.000đ; Gia đình bị cáo Đỗ Xuân Q đã tự nguyện nộp số tiền 80.000.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T để bồi thường thiệt hại cho các bị hại và cơ quan điều tra đã thu giữ của bị cáo số tiền 10.000.000đ, tổng là 90.000.000đ nên 2 bị cáo Đỗ Xuân Q và Đỗ Đức T được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự. Gia đình bị cáo Đỗ Ngọc T đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại là anh Hà Đức T số tiền 23.750.000đ và tự nguyện nộp số tiền 40.000.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T; Ngoài ra cơ quan điều tra đã thu giữ của bị cáo Đỗ Ngọc T số tiền 7.200.000đ và tịch thu số tiền trong các tài khoản là 10.839.200đ để bồi thường cho Bị hại. Như vậy tổng số tiền bị cáo Đỗ Ngọc T đã bồi thường thiệt hại và tự nguyện giao nộp là 81.789.200đ; So với tổng số tiền bị cáo Đỗ Ngọc T đã lừa đảo của các bị hại và chiếm đoạt là 198.991.000đ thì chưa được 2/3 mức bồi thường thiệt hại nên bị cáo Đỗ Ngọc T chỉ được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 điều 51 BLHS; Bị cáo Đỗ Ngọc T đã có thời gian phục vụ trong quân đội; Bị hại là anh Hà Đức T có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Ngọc T nên bị cáo Ngọc T được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Phạm Trung A đã tự nguyện nộp số tiền 20.000.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T và cơ quan điều tra đã thu giữ của bị cáo số tiền 5.950.000đ, tổng là 25.950.000đ, so với số tiền bị cáo Trung A lừa đảo chiếm đoạt là 123.730.000đ, thì chưa được 2/3 mức bồi thường thiệt hại nên bị cáo Trung Anh chỉ được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 điều 51 BLHS. HĐXX sẽ giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của pháp luật.

[7]. Về Hình phạt: Luật sư bào chữa cho các bị cáo Đỗ Đức T và Phạm Trung A đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 điều 54 và khoản 2 điều 174 Bộ luật Hình sự để xét xử 2 bị cáo với mức án thấp dưới khung liên kề. HĐXX xét thấy: 2 Bị cáo Đỗ Đức T và Phạm Trung A có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và 02 tình tiết giảm nhẹ nên cả 02 bị cáo không đủ điều kiện để áp dụng khoản 2 điều 54 Bộ luật Hình sự với mức án dưới khung hình phạt. Vì vậy HĐXX không chấp nhận đề nghị của Luật sư.

HĐXX xét thấy: Các bị cáo phạm tội rất nghiêm trọng; Các bị cáo đều phạm tội 02 lần trở lên; Hai bị cáo Ngọc T và Q là đối tượng phạm tội chuyên nghiệp nên cần thiết phải áp dụng hình phạt tù, bắt các bị cáo cách ly xã hội một

thời gian mới thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định, bản thân các bị cáo đều phải chấp hành hình phạt tù nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Ngoài ra trong vụ án này đối với Đoàn Ngọc Thúy V giúp các bị cáo đứng tên làm thủ tục thuê phòng tại chung cư Napoleon số 26 Nguyễn Đình Chiểu, phường V, thành phố N, tỉnh K để các bị cáo làm nơi ở và thực hiện hành vi phạm tội. Bản thân V không biết và không tham gia nên không có căn cứ xử lý.

[8]. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Bị hại là anh Hà Đức T đã nhận đủ số tiền bồi thường từ gia đình bị cáo Đỗ Ngọc T và không yêu cầu gì khác nên HĐXX không xem xét. Xét yêu cầu của những người bị hại đều yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại thì HĐXX thấy rằng: Các bị cáo đã chiếm đoạt số tiền của những người bị hại để chi tiêu cá nhân nên căn cứ vào điều 48 BLHS buộc các bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho những người bị hại là phù hợp. Cụ thể bị cáo Đỗ Ngọc T phải bồi thường thiệt hại cho các bị hại gồm: Anh Hoàng Văn Đ số tiền 42.821.000đ; Chị Lê Thị T số tiền 38.000.000đ; Anh Đỗ Đức Q số tiền 4.250.000đ; Nguyễn Tiến D 6.750.000đ; Anh Phạm Văn H số tiền 14.000.000đ; Anh Ngô Văn K số tiền 12.520.000đ; Anh Nguyễn Văn T số tiền 6.250.000đ; Chị Nguyễn Thị Tuyết K số tiền 6.500.000đ; Chị Nguyễn Thị T số tiền 10.000.000đ; Chị Tạ Thị N số tiền 6.000.000đ; Chị Phạm Xuân D số tiền 14.000.000đ; Chị Huỳnh Hương P số tiền 6.150.000đ; Anh Vũ Văn D số tiền 8.000.000đ. Tổng cộng = 175.241.000đ. Bị cáo Ngọc T đã nộp tiền bồi thường và tịch thu tiền trong tài khoản, số tiền còn lại 117.201.800đ buộc bị cáo Ngọc T tiếp tục bồi thường; Bị cáo Đỗ Xuân Q phải bồi thường thiệt hại cho các bị hại gồm: Chị Trần Thị M số tiền 2.000.000đ; Anh Hà Văn T số tiền 4.250.000đ; Chị Đàm Thị D số tiền 19.250.000đ; Chị Hoàng Hồng Q số tiền 25.000.000đ; Anh Nguyễn Ngọc S số tiền 51.921.000đ. Tổng cộng = 102.421.000đ. Bị cáo đã nộp tiền bồi thường và tịch thu tiền trong tài khoản tổng là 90.321.817đ, số tiền còn lại 12.099.183đ buộc bị cáo tiếp tục bồi thường; Bị cáo Đỗ Đức T phải bồi thường thiệt hại cho các bị hại gồm: Anh Nguyễn Thành N số tiền 2.000.000đ; Anh Phạm Văn H số tiền 2.500.000đ; Anh Nguyễn Công D số tiền 6.750.000đ; Chị Trương Thị Hồ T số tiền 4.750.000đ. Tổng cộng = 16.000.000đ. Bị cáo đã nộp tiền bồi thường và tịch thu tiền trong tài khoản tổng là 18.388.058đ, số tiền thừa 2.388.058đ trả lại cho Bị cáo; Bị cáo Phạm Trung A phải bồi thường thiệt hại cho các bị hại gồm: Chị Bùi Thị G số tiền 1.000.000đ; Anh Đỗ Minh T số tiền 45.850.000đ; Chị Vũ Thị T số tiền 76.880.000đ. Tổng cộng = 123.730.000đ. Bị cáo đã nộp tiền bồi thường và tịch thu tiền trong tài khoản tổng là 40.067.420đ, số tiền còn lại 83.662.580đ buộc bị cáo tiếp tục bồi thường.

[9]. Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 thẻ ATM của ngân hàng Sacombank, số tài khoản 050122264758, mang tên Đỗ Ngọc T và không liên quan đến vụ án nên trả lại cho bị cáo Đỗ Ngọc T

Đối với 01 căn cước công dân số 001097023780 cấp ngày 17/02/2020 mang tên Đỗ Xuân Q; 01 giấy phép lái xe hạng A2 mang tên Đỗ Xuân Q; 01 thẻ ngân hàng MB Bank, số 9704222043435478, mang tên Đỗ Xuân Q; 01 thẻ loại VISA, ngân hàng MB Bank, số 40890410652110411, mang tên Đỗ Xuân Q; 01 điện thoại Iphone 12 promax màu xanh IMEI: 356730113475091 gắn sim di động số thuê bao 0828.026.789 đã qua sử dụng; 01 dây chuyền bằng kim loại màu trắng bạc có gắn một mặt kim loại hình tròn màu trắng bạc, đường kính 3,2cm, do bị cáo Q giao nộp, là giấy tờ tùy thân và không liên quan đến vụ án nên trả lại cho bị cáo Q.

Đối với 01 căn cước công dân số 001200030742 mang tên Đỗ Đức T; 01 thẻ loại VISA, ngân hàng MB Bank, số 4089041058565961, mang tên Đỗ Đức T; 01 thẻ loại VISA, ngân hàng Techcombank, 4221498694964181, mang tên Đỗ Đức T; 01 thẻ ngân hàng Agribank, số 9704050949878016, mang tên Đỗ Đức T; 01 nhẫn kim loại màu vàng, không rõ nhãn hiệu, trên mặt có gắn hạt đá màu trắng lớn và nhiều hạt đá màu trắng nhỏ đã qua sử dụng; 01 dây chuyền bằng kim loại màu vàng, có gắn 01 mảnh kim loại màu vàng hình tròn, trên mảnh kim loại khắc hình con rồng, đã qua sử dụng, do bị cáo Đỗ Đức T giao nộp, không liên quan đến vụ án nên trả lại cho bị cáo Đức T.

Đối với 01 căn cước công dân số 001098024282 mang tên Phạm Trung A; 01 thẻ ATM ngân hàng Techcom bank, số 9704079970520486, mang tên Phạm Trung A; 01 điện thoại Iphone 11 proMax màu vàng IMEI 353957103038794 gắn sim di động số thuê bao 0852.381.234 đã qua sử dụng; 01 dây chuyền bằng kim loại, các mắt xích nối nhau bằng hình chữ nhật màu vàng trắng, dây chuyền đã qua sử dụng; 01 mặt kim loại màu vàng, có gắn móc màu vàng bên trên mặt kim loại có đính các hạt đá màu trắng; 01 nhẫn kim loại màu vàng, trên mặt có gắn viên đá màu trắng đã qua sử dụng, do bị cáo Phạm Trung A giao nộp không liên quan đến vụ án nên trả lại cho bị cáo Phạm Trung A.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH150i màu trắng đen, biển kiểm soát 29Y3- 604.74, số máy KF26E0038923, số khung 2512GY038863, đã qua sử dụng không thu giữ được Đăng ký xe (do mẹ bị cáo Đỗ Ngọc T giao nộp) là tài sản chung của bị cáo Đỗ Ngọc T và mẹ bị cáo là bà Đỗ Thị T. Bà Đỗ Thị T có liên quan đến số tiền 35.000.000đ cho bị cáo Đỗ Ngọc T vay để mua xe nên căn cứ điểm b khoản 1 điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm b khoản 2 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu một phần (của bị cáo Đỗ Ngọc T) nộp ngân sách Nhà Nước. Bà Đỗ Thị T có liên quan đến phần tài sản nên bà Đỗ Thị T phối hợp với Chi cục Thi hành án huyện T bán phát mại tài sản để thu hồi số tiền 35.000.000đ đã cho bị cáo vay mua xe, phần còn lại tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với các vật chứng do bị cáo Đỗ Ngọc T giao nộp gồm: 01 điện thoại Iphone 7 plus màu trắng, IMEI 355838088847300, gắn sim di động số thuê bao 0928.099.689 đã qua sử dụng; 01 điện thoại nhãn hiệu Sam Sung galaxy A21S màu xanh, IMEI1: 351662614222984, IMEI2: 352465214222985 gắn sim di động số thuê bao 0349.242.891 đã qua sử dụng; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 12 proMax màu xanh, IMEI 352292932470153, gắn sim di động số thuê bao 0856.326.789 đã qua sử dụng; 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia 105 màu xanh seri 1: 353102111429095, seri 2: 353102111901895, gắn sim di động số thuê bao 0365.667.130 và 0928.869.702 đã qua sử dụng; 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia 105 model TA1010, IMEI: 355763103075820, gắn sim di động số thuê bao 0335.429.638 đã qua sử dụng; 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA EXCITER 150, màu xanh, biển kiểm soát 79H1- 782.56, số máy G3D4E862153, số khung 1010KY095720 đã qua sử dụng và 01 đăng ký xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA EXCITER 150, màu xanh, biển kiểm soát 79H1- 782.56 mang tên ; 01 nhẫn kim loại màu trắng bạc, hai cạnh có khắc hình ngôi sao, mặt nhẫn có gắn các hạt đá màu trắng, đã qua sử dụng; Vật chứng do Đỗ Xuân Quang giao nộp gồm: 01 điện thoại Iphone XS MAX màu vàng, IMEI: 357309095659243, gắn thẻ sim di động số thuê bao 0844.424.444, dãy số trên thân sim 89840200011151628722 đã qua sử dụng; 01 điện thoại Iphone XS MAX màu vàng, IMEI: 357267098338977, gắn sim di động số thuê bao: 0338.933.305, đã qua sử dụng; 01 điện thoại Iphone 6 màu trắng - xám IMEI: 353329075130795, gắn sim di động số thuê bao 0337.205.167; 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia 105 màu đen, IMEI: 353101117070499, gắn sim di động số thuê bao 0387.638.544, đã qua sử dụng; 01 đồng hồ đeo tay bằng kim loại nhãn hiệu Jacques Lemans đã qua sử dụng; Vật chứng do Đỗ Đức T giao nộp gồm: 01 điện thoại Iphone 12 promax màu xanh IMEI: 352292932646224, gắn sim di động số thuê bao 0826.845.555, dãy số trên thân sim 89840200010997745955, đã qua sử dụng; 01 điện thoại Iphone 6S Plus màu vàng, IMEI 353333073595058, gắn thẻ sim di động số thuê bao 0362.483.351, đã qua sử dụng; 01 điện thoại Iphone 6S Plus màu hồng, IMEI 353288074762299, gắn thẻ sim di động số thuê bao 0979.215.546, đã qua sử dụng; 01 điện thoại Nokia 108 màu xanh gắn thẻ sim di động số thuê bao 0375.597.884 và 0898.353.423 đã qua sử dụng. Ngoài ra mẹ bị cáo Đỗ Đức T giao nộp 01 điện thoại Iphone, vỏ màu vàng khóa mặt khóa. Vật chứng do bị cáo Phạm Trung A giao nộp gồm: 01 điện thoại Iphone 7plus màu hồng IMEI 35919007210203, gắn thẻ sim số thuê bao 0344.229.634, đã qua sử dụng; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại SH 150i, màu sơn trắng đen, dung tích 153, biển kiểm soát 79N2- 427.11, số máy KF26E0029408, số khung 251XGY029344, loại xe 02 bánh, xe đăng ký lần đầu ngày 03/3/2018, xe đã qua sử dụng, (xe có đăng ký xe); 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 083772, biển kiểm soát 79N2- 427.11 mang tên Bùi Phương L. Ngoài ra em gái của bị cáo Phạm Trung A là Phạm Thị Thùy L giao nộp 01 điện thoại Iphone XS Max, IMEI

357270093818290, không gắn thẻ sim, đã qua sử dụng. Khám xét khẩn cấp chỗ ở của các Bị cáo thu giữ gồm: 01 điện thoại nhãn hiệu Mobell màu đen, IMEI 830041600229744, không gắn thẻ sim, đã qua sử dụng; 01 đồng hồ đeo tay nhãn hiệu PHILIPPE AUGUSTE AUTOMATIC màu vàng có dây da màu đen, đã qua sử dụng; 01 máy tính bảng nhãn hiệu Apple Ipad màu hồng, IMEI 353178105608852, không gắn thẻ sim di động, đã quá sử dụng; 01 loa kéo màu đen nhãn hiệu JBZ, số loại JB +0806, đã qua sử dụng. Tất cả các vật chứng trên là công cụ phương tiện phạm tội và là tài sản do phạm tội mà có nên HĐXX căn cứ điểm a, b khoản 1 điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a, b khoản 2 điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự tịch thu nộp ngân sách Nhà Nước.

Đối với số tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam 7.200.000đ thu của Đỗ Ngọc T; Số tiền 10.000.000đ thu của Đỗ Xuân Q; Số tiền 600.000đ thu của Đỗ Đức T; Số tiền 5.950.000đ thu của Phạm Trung A và số tiền còn lại trong các tài khoản đều là tiền do các bị cáo chiếm đoạt của các Bị hại nên HĐXX căn cứ vào khoản 2 điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm b khoản 3 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu trả lại cho các bị hại. Số tiền thu của từng Bị cáo và số tiền trong tài khoản của các bị cáo được cộng vào số tiền các bị cáo đã tự nguyện nộp để bồi thường thiệt hại cho các bị hại.

Các ngân hàng có liên quan đến số tài khoản các Bị cáo sử dụng vào mục đích phạm tội và số dư còn lại trong các tài khoản đều phải có trách nhiệm phối hợp với Cơ quan thi hành án để tịch thu số tiền còn dư trong tài khoản để thi hành án.

Đối với các vật chứng gồm: 01 điện thoại I phone 6S màu hồng, IMEI: 35325607181613, gắn sim di động số thuê bao 0965.645.063 đã qua sử dụng. (Máy bị phồng pin, thân máy bị bong màn hình, máy hồng không sử dụng được); 01 thẻ loại VISA, ngân hàng Sacombank, số 4221510843694350, mang tên Nguyễn Hà A; 01 thẻ sim di động Viettel có dãy số 8984048000311761754; ; 01 thẻ sim di động Viettel có mã số 8984048000061232779, số thuê bao 0389.492.850, còn nguyên nano sim; 01 thẻ sim di động Viettel có mã số 8984048000045516057, số thuê bao 0334.068.603, còn nguyên nano sim; 01 thẻ sim di động Viettel có mã số 8984048000054205638, không còn nano sim; 01 thẻ sim di động Viettel có mã số 8984048000300575554, không có nano sim; 01 thẻ sim di động Vietnammobile có mã số 89840509201233507998, không có nano sim; 01 thẻ ATM ngân hàng Sacombank, số tài khoản 020088818211, mang tên “NGUYEN THI PHUONG”; 01 thẻ ATM ngân hàng TP bank, số thẻ 4665849140835776, mang tên “TRAN THI THU”; 01 thẻ ATM ngân hàng Mbbank, số thẻ 9704222028761633, mang tên “NGUYEN VAN HUNG”; 01 thẻ ATM ngân hàng TP bank, số thẻ 4541190145663578, mang tên “DO DANH NHAN”; 01 thẻ ATM ngân hàng Sacombank, số tài khoản 020088924811, mang tên “VU BA LAM”; 01 căn cước công dân số 030090008122 mang tên Đoàn Xuân Kiên cấp ngày 09/7/2019, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH; 01 thẻ

di động Vietnammobi, mã số 898405092012333506628, không chứa nano sim; 01 thẻ di động Viettel, mã số 8984048000320021937, không chứa nano sim; 01sim di động Viettel 4G, mã số 898405092012333506628. Đây là công cụ phương tiện phạm tội, vật không còn giá trị và không sử dụng được nên HĐXX căn cứ điểm a khoản 1 điều 47 Bộ luật Hình Sự và điểm a, c khoản 2 điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự tịch thu tiêu hủy.

[10]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí HSST và án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào: Điểm a khoản 3 điều 174; Điều 17; Điều 58 BLHS;
- Tuyên bố: Các bị cáo Đỗ Ngọc T, Đỗ Xuân Q, Đỗ Đức T và Phạm Trung A phạm tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"
- Căn cứ vào: Điểm a khoản 3 điều 174 BLHS; Điểm s khoản 1 điều 51; Điểm b, g khoản 1 điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Đỗ Ngọc T và Đỗ Xuân Q; Áp dụng thêm khoản 2 điều 51 BLHS đối với bị cáo Đỗ Ngọc T; Áp dụng thêm điểm b khoản 1 điều 51 BLHS đối với bị Đỗ Xuân Q;
- Xử phạt: Bị cáo Đỗ Ngọc T 08(Tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 04/01/2021.

Bị cáo Đỗ Xuân Q 07(Bảy)năm 06(sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 04/01/2021.

- Căn cứ vào: Điểm a khoản 3 điều 174 BLHS; Điểm s khoản 1 điều 51; Điểm g khoản 1 điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Đỗ Đức T và Phạm Trung A. Áp dụng thêm khoản 2 điều 51 BLHS đối với bị cáo Phạm Trung A; Áp dụng thêm điểm b khoản 1 điều 51 BLHS đối với bị Đỗ Đức T;
- Xử phạt: Bị cáo Phạm Trung A 07(bảy)năm 03(Ba)tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 04/01/2021.

Bị cáo Đỗ Đức T 07(Bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 04/01/2021.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 1, khoản 2 điều 47 Bộ luật Hình sự và các điểm a, b c khoản 2 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Trả lại cho bị cáo Đỗ Ngọc T 01 thẻ ATM của ngân hàng Sacombank, số tài khoản 050122264758, mang tên Đỗ Ngọc T

Trả lại cho Bị cáo Đỗ Xuân Q gồm: 01 căn cước công dân số 001097023780 cấp ngày 17/02/2020 mang tên Đỗ Xuân Q; 01 giấy phép lái xe hạng A2 mang tên Đỗ Xuân Q; 01 thẻ ngân hàng MB Bank, số 9704222043435478, mang tên Đỗ Xuân Q; 01 thẻ loại VISA, ngân hàng MB Bank, số 40890410652110411, mang tên Đỗ Xuân Q; 01 điện thoại Iphone 12

promax màu xanh IMEI: 356730113475091 gắn sim di động số thuê bao 0828.026.789 đã qua sử dụng; 01 dây chuyền bằng kim loại màu trắng bạc có gắn một mặt kim loại hình tròn màu trắng bạc, đường kính 3,2cm.

Trả lại cho Bị cáo Đỗ Đức T gồm: 01 căn cước công dân số 001200030742 mang tên Đỗ Đức T; 01 thẻ loại VISA, ngân hàng MB Bank, số 4089041058565961, mang tên Đỗ Đức T; 01 thẻ loại VISA, ngân hàng Techcombank, 4221498694964181, mang tên Đỗ Đức T; 01 thẻ ngân hàng Agribank, số 9704050949878016, mang tên Đỗ Đức T; 01 nhẫn kim loại màu vàng, không rõ nhãn hiệu, trên mặt có gắn hạt đá màu trắng lớn và nhiều hạt đá màu trắng nhỏ đã qua sử dụng; 01 dây chuyền bằng kim loại màu vàng, có gắn 01 mảnh kim loại màu vàng hình tròn, trên mảnh kim loại khắc hình con rồng, đã qua sử dụng.

Trả lại cho Bị cáo Phạm Trung A gồm: 01 căn cước công dân số 001098024282 mang tên Phạm Trung A; 01 thẻ ATM ngân hàng Techcom bank, số 9704079970520486, mang tên Phạm Trung A; 01 điện thoại Iphone 11 proMax màu vàng IMEI353957103038794 gắn sim di động số thuê bao 0852.381.234 đã qua sử dụng; 01 dây chuyền bằng kim loại, các mắt xích nối nhau bằng hình chữ nhật màu vàng trắng, dây chuyền đã qua sử dụng; 01 mặt kim loại màu vàng, có gắn móc màu vàng bên trên mặt kim loại có đính các hạt đá màu trắng; 01 nhẫn kim loại màu vàng, trên mặt có gắn viên đá màu trắng đã qua sử dụng.

Tịch thu một phần của bị cáo Đỗ Ngọc T nộp ngân sách Nhà Nước đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH150i màu trắng đen, biển kiểm soát 29Y3-604.74, số máy KF26E0038923, số khung 2512GY038863, đã qua sử dụng không thu giữ được Đăng ký xe( do mẹ bị cáo Đỗ Ngọc T giao nộp, đây là tài sản chung của bị cáo Đỗ Ngọc T và mẹ bị cáo là bà Đỗ Thị T). Bà Đỗ Thị T có liên quan đến số tiền 35.000.000đ cho bị cáo Đỗ Ngọc T vay để mua xe nên bà Đỗ Thị T phối hợp với Chi cục Thi hành án huyện T bán phát mại tài sản để thu hồi số tiền 35.000.000đ đã cho bị cáo vay mua xe, phần còn lại tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước gồm: 01 điện thoại Iphone 7 plus màu trắng, IMEI 355838088847300, gắn sim di động số thuê bao 0928.099.689 đã qua sử dụng; 01 điện thoại nhãn hiệu Sam Sung galaxy A21S màu xanh, IMEI1: 351662614222984, IMEI2: 352465214222985 gắn sim di động số thuê bao 0349.242.891 đã qua sử dụng; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 12 proMax màu xanh, IMEI 352292932470153, gắn sim di động số thuê bao 0856.326.789 đã qua sử dụng; 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia 105 màu xanh seri 1: 353102111429095, seri 2: 353102111901895, gắn sim di động số thuê bao 0365.667.130 và 0928.869.702 đã qua sử dụng; 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia 105 model TA1010, IMEI: 355763103075820, gắn sim di động số thuê bao 0335.429.638 đã qua sử dụng; 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA EXCITER 150, màu xanh, biển kiểm

soát 79H1- 782.56, số máy G3D4E862153, số khung 1010KY095720 đã qua sử dụng và 01 đăng ký xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA EXCITER 150, màu xanh, biển kiểm soát 79H1- 782.56; 01 nhẫn kim loại màu trắng bạc, hai cạnh có khắc hình ngôi sao, mặt nhẫn có gắn các hạt đá màu trắng, đã qua sử dụng; 01 điện thoại Iphone XS MAX màu vàng, IMEI: 357309095659243, gắn thẻ sim di động số thuê bao 0844.424.444, dãy số trên thân sim 89840200011151628722 đã qua sử dụng; 01 điện thoại Iphone XS MAX màu vàng, IMEI: 357267098338977, gắn sim di động số thuê bao: 0338.933.305, đã qua sử dụng; 01 điện thoại Iphone 6 màu trắng - xám IMEI: 353329075130795, gắn sim di động số thuê bao 0337.205.167; 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia 105 màu đen, IMEI: 353101117070499, gắn sim di động số thuê bao 0387.638.544, đã qua sử dụng; 01 đồng hồ đeo tay bằng kim loại nhãn hiệu Jacques Lemans đã qua sử dụng; 01 điện thoại Iphone 12 promax màu xanh IMEI: 352292932646224, gắn sim di động số thuê bao 0826.845.555, dãy số trên thân sim 89840200010997745955, đã qua sử dụng; 01 điện thoại Iphone 6S Plus màu vàng, IMEI 353333073595058, gắn thẻ sim di động số thuê bao 0362.483.351, đã qua sử dụng; 01 điện thoại Iphone 6S Plus màu hồng, IMEI 353288074762299, gắn thẻ sim di động số thuê bao 0979.215.546, đã qua sử dụng; 01 điện thoại Nokia 108 màu xanh gắn thẻ sim di động số thuê bao 0375.597.884 và 0898.353.423 đã qua sử dụng; 01 điện thoại Iphone, vỏ màu vàng khóa mặt khóa; 01 điện thoại Iphone 7plus màu hồng IMEI 35919007210203, gắn thẻ sim số thuê bao 0344.229.634, đã qua sử dụng; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại SH 150i, màu sơn trắng đen, dung tích 153, biển kiểm soát 79N2- 427.11, số máy KF26E0029408, số khung 251XGY029344, loại xe 02 bánh, xe đăng ký lần đầu ngày 03/3/2018, xe đã qua sử dụng, (xe có đăng ký xe); 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 083772, biển kiểm soát 79N2- 427.11 mang tên Bùi Phương L; 01 điện thoại Iphone XS Max, IMEI 357270093818290, không gắn thẻ sim, đã qua sử dụng; 01 điện thoại nhãn hiệu Mobell màu đen, IMEI 830041600229744, không gắn thẻ sim, đã qua sử dụng; 01 đồng hồ đeo tay nhãn hiệu PHILIPPE AUGUSTE AUTOMATIC màu vàng có dây da màu đen, đã qua sử dụng; 01 máy tính bảng nhãn hiệu Apple Ipad màu hồng, IMEI 353178105608852, không gắn thẻ sim di động, đã quá sử dụng; 01 loa kéo màu đen nhãn hiệu JBZ, số loại JB +0806, đã qua sử dụng.

Tịch thu tiêu hủy gồm: 01 điện thoại I phone 6S màu hồng, IMEI: 35325607181613, gắn sim di động số thuê bao 0965.645.063 đã qua sử dụng. (Máy bị phồng pin, thân máy bị bong màn hình, máy hồng không sử dụng được); 01 thẻ loại VISA, ngân hàng Sacombank, số 4221510843694350, mang tên Nguyễn Hà Anh; 01 thẻ sim di động Viettel có dãy số 8984048000311761754; 01 thẻ sim di động Viettel có mã số 8984048000061232779, số thuê bao 0389.492.850, còn nguyên nano sim; 01 thẻ sim di động Viettel có mã số 8984048000045516057, số thuê bao 0334.068.603, còn nguyên nano sim; 01 thẻ sim di động Viettel có mã số 8984048000054205638, không còn nano sim; 01

thẻ sim di động Viettel có mã số 8984048000300575554, không có nano sim; 01 thẻ sim di động Vietnammobile có mã số 89840509201233507998, không có nano sim; 01 thẻ ATM ngân hàng Sacombank, số tài khoản 020088818211, mang tên “NGUYEN THI PHUONG”; 01 thẻ ATM ngân hàng TP bank, số thẻ 4665849140835776, mang tên “TRAN THI THU”; 01 thẻ ATM ngân hàng Mbbank, số thẻ 9704222028761633, mang tên “NGUYEN VAN HUNG”; 01 thẻ ATM ngân hàng TP bank, số thẻ 4541190145663578, mang tên “DO DANH NHAN”; 01 thẻ ATM ngân hàng Sacombank, số tài khoản 020088924811, mang tên “VU BA LAM”; 01 căn cước công dân số 030090008122 mang tên Đoàn Xuân Kiên cấp ngày 09/7/2019, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH; 01 thẻ di động Vietnammobi, mã số 898405092012333506628, không chứa nano sim; 01 thẻ di động Viettel, mã số 8984048000320021937, không chứa nano sim; 01sim di động Viettel 4G, mã số 89840509201233506628.

Toàn bộ số vật chứng trên được thể hiện theo Biên bản giao nhận vật chứng số 60 ngày 07/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Tịch thu số tiền 23.750.000đ Cơ quan điều tra đã thu giữ của các Bị cáo để trả lại cho các Bị hại. Số tiền đã nộp vào Tài khoản số 39490105393000000 tại Kho bạc Nhà Nước T theo Giấy nộp tiền vào tài khoản lập ngày 09/7/2021.

- Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Căn cứ vào điều 48 BLHS; Điều 357 Bộ luật Dân sự;

Buộc bị cáo Đỗ Ngọc T phải bồi thường thiệt hại cho các bị hại gồm: Anh Hoàng Văn Đ số tiền 42.821.000đ; Chị Lê Thị T số tiền 38.000.000đ; Anh Đỗ Đức Q số tiền 4.250.000đ; Nguyễn Tiến D 6.750.000đ; Anh Phạm Văn H số tiền 14.000.000đ; Anh Ngô Văn K số tiền 12.520.000đ; Anh Nguyễn Văn T số tiền 6.250.000đ; Chị Nguyễn Thị Tuyết K số tiền 6.500.000đ; Chị Nguyễn Thị Tsố tiền 10.000.000đ; Chị Tạ Thị N số tiền 6.000.000đ; Chị Phạm Xuân D số tiền 14.000.000đ; Chị Huỳnh Hương Ph số tiền 6.150.000đ; Anh Vũ Văn D số tiền 8.000.000đ. Tổng cộng = 175.241.000đ; Bị cáo đã nộp tiền bồi thường theo Biên lai thu số AA/2021/0007153 ngày 16/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân và tịch thu tiền trong tài khoản tổng 58.039.200đ, số tiền còn lại 117.201.800đ buộc bị cáo Đỗ Ngọc T tiếp tục bồi thường.

Buộc Bị cáo Đỗ Xuân Q phải bồi thường thiệt hại cho các bị hại gồm: Chị Trần Thị M số tiền 2.000.000đ; Anh Hà Văn T số tiền 4.250.000đ; Chị Đàm Thị D số tiền 19.250.000đ; Chị Hoàng Hồng Q số tiền 25.000.000đ; Anh Nguyễn Ngọc S số tiền 51.921.000đ. Tổng cộng = 102.421.000đ; Bị cáo đã nộp tiền bồi thường theo Biên lai thu số AA/2021/0007154 ngày 16/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T và tịch thu tiền trong tài khoản tổng là 90.321.817đ, số tiền còn lại 12.099.183đ buộc bị cáo tiếp tục bồi thường.

Buộc Bị cáo Đỗ Đức T phải bồi thường thiệt hại cho các bị hại gồm: Anh Nguyễn Thành N số tiền 2.000.000đ; Anh Phạm Văn H số tiền 2.500.000đ; Anh Nguyễn Công D số tiền 6.750.000đ; Chị Trương Thị Hồ T số tiền 4.750.000đ.

Tổng cộng = 16.000.000đ; Bị cáo đã nộp tiền bồi thường theo Biên lai thu số AA/2011/002137 ngày 12/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T và tịch thu tiền trong tài khoản tổng là 18.388.058đ, số tiền thừa 2.388.058đ trả lại cho Bị cáo.

Buộc Bị cáo Phạm Trung A phải bồi thường thiệt hại cho các bị hại gồm: Chị Bùi Thị G số tiền 1.000.000đ; Anh Đỗ Minh T số tiền 45.850.000đ; Chị Vũ Thị T số tiền 76.880.000đ. Tổng cộng = 123.730.000đ. Bị cáo đã nộp tiền bồi thường theo Biên lai thu số AA/2021/0007152 ngày 16/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T và tịch thu tiền trong tài khoản tổng là 40.067.420đ, số tiền còn lại 83.662.580đ buộc bị cáo tiếp tục bồi thường.

Các ngân hàng có liên quan đến số tài khoản các Bị cáo sử dụng vào mục đích phạm tội và số dư còn lại trong các tài khoản đều phải có trách nhiệm phối hợp với Cơ quan thi hành án để tịch thu số tiền còn dư trong tài khoản để thi hành án. Cụ thể gồm các ngân hàng sau:

- Tài khoản ngân hàng SHB số 1017163735 mang tên Lê Minh N, số dư tài khoản là 3.677.469đ. Tại ngân hàng TMCP Sài Gòn- Hà Nội (SHB) chi nhánh Sài Gòn, phòng giao dịch Nguyễn Văn L.

- Tài khoản ngân hàng Sacombank số 020088467451 mang tên Nguyễn Hà A, số dư tài khoản là 321.817đ. Tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Thương Tín (Sacombank) chi nhánh T, phòng giao dịch L

- Tài khoản ngân hàng Tecombank số 19035721942022 mang tên Đỗ Đức T, số dư tài khoản là 7.610.589đ. Tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam(Techcombank) chi nhánh thành phố N, tỉnh K.

- Tài khoản ngân hàng Tecombank số 19036065458018 mang tên Phạm Trung A, số dư tài khoản là 14.117.420đ. Tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam(Techcombank) chi nhánh Đ, phòng giao dịch T

- Tài khoản ngân hàng MB số 4060123499999 mang tên Đỗ Ngọc T, số dư tài khoản là 388.971đ. Tại ngân hàng TMCP Quân Đội chi nhánh K, phòng giao dịch V.

- Tài khoản ngân hàng ACB số 15781117 mang tên Trần Nhật H, số dư tài khoản là 983.612đ. Tại Ngân hàng TMCP Á Châu chi nhánh T, phòng giao dịch H.

- Tài khoản ngân hàng ACB số 14291937 mang tên Trần Minh Hưng, số dư tài khoản là 2.466.617đ. Tại Ngân hàng TMCP Á Châu chi nhánh B, phòng giao dịch A.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác .

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6; 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự .

- Về án phí : Căn cứ khoản 2 điều 136 BLTTHS năm 2015; Điểm a, c khoản 1 điều 23 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH;

Buộc các bị cáo Đỗ Ngọc T, Đỗ Xuân Q, Đỗ Đức T và Phạm Trung A mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST; Bị cáo Đỗ Ngọc T phải chịu án phí DSST là 5.860.000đ; Đỗ Xuân Q phải chịu án phí DSST là 604.000đ; Phạm Trung A phải chịu án phí DSST là 4.183.000đ.

- Về quyền kháng cáo: Căn cứ khoản 1, 4 điều 331 và khoản 1 điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự:

Bị cáo và bị hại có mặt có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện T
- VKSND tỉnh T
- THA dân sự;
- THA hình sự Công an huyện T; tỉnh T
- Bị cáo;
- Bị hại
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Hằng**